

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**

Bản án số: **59/2026/KDTM-ST**

Ngày: **22/7/2026**

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lại**

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Bùi Thị Bích Vân**

- Ông **Hoàng Mạnh Hùng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lương Ngân Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Minh Huyền** – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 21/2025/TLST-KDTM ngày 23 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1037/2026/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1212/2026/KDTMST-QĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026 về việc *“Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”* giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1)**

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Đức L** – Trưởng phòng cao cấp Xử lý nợ pháp lý Khách hàng doanh nghiệp 01 – Trung tâm Xử lý nợ pháp lý.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Việt A** – Cán bộ Xử lý nợ (Có mặt).

*** Bị đơn: Công ty TNHH T**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100513862 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp đăng ký lần đầu ngày 03/11/1997, thay đổi lần thứ 19 ngày 28/12/2023.

Địa chỉ: Số B phố H, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Minh D1** – Giám đốc (*Xin vắng mặt*).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông **Nguyễn Thế H**, sinh năm 1974 (*Vắng mặt*)

Căn cước công dân số: 001074016606

Địa chỉ: Số B phố H, phường H, Thành phố Hà Nội.

- Bà **Nguyễn Minh D1**, sinh năm 1972 (*Xin vắng mặt*)

Căn cước công dân số: 001172031150

Địa chỉ: Số B phố H, phường H, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) trình bày:**

a. Thông tin khoản vay:

Công ty TNHH T vay vốn tại V1 – Chi nhánh Đ theo Hợp đồng cho vay; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm; Khế ước nhận nợ kèm theo cụ thể như sau:

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 170623-1899466-01-SME ngày 26/6/2023 với giá trị hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng); Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng tính từ ngày ký kết Hợp đồng; Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh các sản phẩm thời trang NINE WEST nhập từ nhà cung cấp MFF-NW, LCC hoặc SBNW-LCC (Nhà cung cấp thuộc tập đoàn A1) hoặc các đối tác do ABG International INC chỉ định; Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức; Giải ngân vốn vay: Số lần giải ngân là nhiều lần, thời hạn vay tối đa của khoản vay từng lần thuộc hạn mức không vượt quá 6 tháng; Lãi suất cho vay 9.2%/ năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/ lần, biên độ điều chỉnh 3.1%/ năm.

- Hợp đồng cho vay số CLC-4877-01 ngày 20/9/2023 với số tiền vay là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh các sản phẩm thời trang NINE WEST nhập từ nhà cung cấp MFF-NW, LCC hoặc SBNW-LCC (nhà cung cấp thuộc tập đoàn A1); Lãi suất tại thời điểm cho vay là 13.3%/ năm, điều chỉnh định kỳ 1 tháng/ lần, biên độ 7.1%/ năm.

- Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ và ủy nhiệm chi số CLC-4877-01/KU/Lần 04) ngày 07/02/2024 với số tiền đề nghị giải ngân và nhận nợ là 1.300.000.000 đồng; Thời hạn cho vay và trả nợ là 07 tháng (Bằng chữ: Bảy

tháng) tính từ ngày vay tiếp theo ngày giải ngân cho đến ngày 07/9/2024; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 13,3%/ năm (Lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày); Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn cố định thì lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/ lần, điều chỉnh cộng biên độ 7,1%/ năm; K trả nợ gốc: Khách hàng trả toàn bộ số tiền nợ gốc khi hết thời hạn trả nợ theo Khế ước nhận nợ; K trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền nợ lãi cho V1 theo định kỳ 01 tháng/ lần vào ngày 25.

- Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ và ủy nhiệm chi số CLC-4877-01/KU/Lần 03 ngày 06/02/2024 với số tiền đề nghị giải ngân và nhận nợ là 700.000.000 đồng; Thời hạn cho vay và trả nợ là 07 tháng (Bằng chữ: Bảy tháng) tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân cho đến ngày 06/9/2024; Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh các sản phẩm thời trang NINE WEST nhập từ nhà cung cấp MFF-NW, LCC hoặc SBNW-LCC (nhà cung cấp thuộc tập đoàn A1); Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 13,3%/ năm (Lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày); Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn cố định thì lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/ lần, điều chỉnh cộng biên độ 7,1%/ năm; K trả nợ gốc: Khách hàng trả toàn bộ số tiền nợ gốc khi hết thời hạn trả nợ theo Khế ước nhận nợ; K trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền nợ lãi cho V1 theo định kỳ 01 tháng/ lần vào ngày 25.

- Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ ngày 14/9/2017 với số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); Thời hạn vay là 60 tháng; Lãi suất cho vay là 32%/ năm.

b. Biện pháp bảo đảm cho khoản vay:

- Theo Hợp đồng bảo lãnh số 140917-1899466-01-SME/HĐBL, ông Nguyễn Thế H đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty TNHH T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ ngày 14/9/2017 và các Hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty TNHH T và Ngân hàng TMCP V (V1) bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

- Theo Hợp đồng bảo lãnh số 140917-1899466-02-SME/HĐBL, bà Nguyễn Minh D1 đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty TNHH T trong việc thực

hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ ngày 14/9/2017 và các Hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty TNHH T và Ngân hàng TMCP V (V1) bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

- Theo Hợp đồng bảo lãnh số CLC-4877-1899466-BLCN-01 ngày 20/9/2023, bà Nguyễn Minh D1 đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình, cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai, bao gồm các nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả nghĩa vụ tài chính khác của Công ty T đối với bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng cụ thể là Hợp đồng cho vay số CLC-4877-01 ngày 20/9/2023 và các văn kiện tín dụng được ký trước, trong và sau ngày ký kết Hợp đồng này.

- Theo Hợp đồng bảo lãnh số CLC-4877-1899466-BLCN-02 ngày 20/9/2023, ông Nguyễn Thế H đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình, cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai, bao gồm các nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả nghĩa vụ tài chính khác của Công ty T đối với bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng cụ thể là Hợp đồng cho vay số CLC-4877-01 ngày 20/9/2023 và các văn kiện tín dụng được ký trước, trong và sau ngày ký kết Hợp đồng này.

c. Quá trình thực hiện:

Công ty TNHH T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP V (V1) và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 22/7/2026, Công ty TNHH T còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền cụ thể như sau:

**** Theo Hợp đồng cho vay số CLC-4877-01 ngày 20/9/2023:***

- Nợ gốc: 1.774.875.467 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 23.713.108 đồng
- Lãi quá hạn: 753.367.962 đồng

Tổng cộng: 2.551.956.537

**** Theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ ngày 14/9/2017:***

- Nợ gốc: 299.999.773 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 388.048.088 đồng.

Tổng cộng: 688.047.861 đồng.

Tổng số tiền Công ty TNHH T còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền là: 3.240.004.398 đồng.

d. Yêu cầu của nguyên đơn:

1. Yêu cầu Công ty TNHH T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa 2 bên. Tính đến hết ngày 22/7/2026, số tiền cụ thể như sau:

*** Theo Hợp đồng cho vay số CLC-4877-01 ngày 20/9/2023:**

- Nợ gốc: 1.774.875.467 đồng

- Nợ lãi trong hạn: 23.713.108 đồng

- Lãi quá hạn: 753.367.962 đồng

Tổng cộng: 2.551.956.537

*** Theo Giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ ngày 14/9/2017:**

- Nợ gốc: 299.999.773 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 388.048.088 đồng.

Tổng cộng: 688.047.861 đồng.

Tổng số tiền Công ty TNHH T còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền là: 3.240.004.398 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 170623-1899466-01-SME ngày 26/6/2023, quá trình vay Công ty TNHH T đã thanh toán hết tiền nợ cho nguyên đơn.

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, vác văn bản tố tụng kèm theo cho đến ngày Công ty T thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1).

3. Ngân hàng TMCP V (V1) đề nghị Tòa án tuyên trong bản án về việc Ngân hàng TMCP V (V1) có quyền yêu cầu bảo lãnh: Ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Minh D1 có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty T tại Ngân hàng TMCP V (V1).

4. Ngân hàng TMCP V (V1) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại tài sản của Công ty T, ông Nguyễn Thế H, bà Nguyễn Minh D1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) nếu các tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1).

*** Đối với bị đơn là Công ty TNHH T (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Minh D1):**

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án (Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa) cho bị đơn là Công ty TNHH T (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Minh D1). Bà Nguyễn Minh D1 đã có bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố. Bà Nguyễn Minh D1 xác nhận có ký các Hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ và các Hợp đồng bảo lãnh và xác nhận các khoản nợ đúng như nguyên đơn khởi kiện. Do hiện nay Công ty làm ăn khó khăn nên bà mong Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty được trả nợ dần số tiền nợ. Bà Nguyễn Minh D1 đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn đúng theo quy định của pháp luật.

*** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Minh D1:**

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Minh D1 cùng cư trú tại số B phố H, phường H, Thành phố Hà Nội.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Minh D1. Bà D1 và ông H là vợ chồng, cùng sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Bà D1 đã đến Tòa án làm việc, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng thời nhận các văn bản tố tụng và cam kết chuyển giao trực tiếp cho ông Nguyễn Thế H. Tại Bản tự khai ngày 01/7/2026, bà Nguyễn Minh D1 xác nhận đã giao đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Thế H; Ông H đã nhận các văn bản này, đồng thời ông H cho biết sẽ không đến Tòa án làm việc và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà D1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thế H vẫn không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, cũng không có yêu cầu độc lập. Vì vậy, Tòa án không thu thập được lời khai của ông Nguyễn Thế H.

Xét thấy, việc tổng đạt các văn bản tố tụng đã được thực hiện theo quy định của pháp luật, ông Nguyễn Thế H đã biết về việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Minh D1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Minh D1 theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty TNHH T, cụ thể là:

+ Yêu cầu Công ty TNHH T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) khoản tiền lãi chậm trả tính đến hết ngày 22/7/2026 với số tiền cụ thể là 83.904.372 đồng.

- Công ty TNHH T (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Minh D1) xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế H vắng mặt tại phiên tòa.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:**

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã tuân thủ, chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt hợp pháp các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án là không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) đối với Công ty TNHH T (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Minh D1).

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền lãi chậm trả tính đến hết ngày 22/7/2026 là 83.904.372 đồng.

- Buộc Công ty TNHH T (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Minh D1) phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 22/7/2026 là **3.240.004.398 đồng**.

- Công ty TNHH T (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Minh D1) phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng vay, Khế ước nhận nợ và các văn bản đính kèm cho đến ngày Công ty T trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1).

- Trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) thì bà Nguyễn Minh D1 và ông Nguyễn Thế H phải có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH T.

- Trường hợp bà Nguyễn Minh D1 và ông Nguyễn Thế H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V thì V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại tài sản của Công ty T, ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Minh D1 để thu hồi nợ cho V1.

- Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Ngân hàng TMCP V (V1) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T có trụ sở tại địa chỉ số B phố H, phường H, Thành phố Hà Nội thanh toán toàn bộ khoản tiền theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, quan hệ pháp luật là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại phường H, Thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

1.2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là Công ty TNHH T (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Minh D1) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế H theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Minh D1 đã đến Tòa án làm việc, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng thời nhận các văn bản tố tụng và cam kết chuyển giao trực tiếp cho ông Nguyễn Thế H. Ngoài ra, bà D1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại Bản tự khai ngày 01/7/2026, bà Nguyễn Minh D1 xác nhận đã giao đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Thế H. Tuy nhiên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế H vẫn không lên Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Thế H vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH T (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Minh D1) và ông Nguyễn Thế H là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Hợp đồng cho vay số CLC-4877-01 ngày 20/9/2023; Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ và ủy nhiệm chi số CLC-4877-01/KU/Lần 04)

ngày 07/02/2024; Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ và ủy nhiệm chi số CLC-4877-01/KU/Lần 03 ngày 06/02/2024 giữa Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty TNHH T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, lãi suất quá hạn, phương thức trả nợ phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn có hiệu lực pháp luật. Dựa trên Hợp đồng và Khế ước nhận nợ đã ký kết, Ngân hàng TMCP V (V1) đã giải ngân cho Công ty TNHH T số tiền là **2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng)**.

Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm dành cho khác hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ ngày 14/9/2017 với số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) trong thời hạn 60 tháng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, lãi suất quá hạn, phương thức trả nợ phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP V (V1) và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng đã ký. Tính đến hết ngày 22/7/2026, Công ty TNHH T còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền cụ thể như sau:

*** Theo Hợp đồng cho vay số CLC-4877-01 ngày 20/9/2023:**

- Nợ gốc: 1.774.875.467 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 23.713.108 đồng
- Lãi quá hạn: 753.367.962 đồng

Tổng cộng: 2.551.956.537

*** Theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm dành cho khác hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ ngày 14/9/2017:**

- Nợ gốc: 299.999.773 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 388.048.088 đồng.

Tổng cộng: 688.047.861 đồng.

Tổng số tiền Công ty TNHH T còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền là: 3.240.004.398 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty TNHH T phải thanh toán khoản tiền lãi chậm trả tính đến hết ngày 22/7/2026 là 83.904.372 đồng.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

Do đó, Ngân hàng TMCP V (V1) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T phải thanh toán khoản tiền nợ gốc và nợ lãi là có cơ sở để chấp nhận.

2.2. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Cổ phần T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng và các Khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày sau ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1).

Căn cứ vào các Hợp đồng và Khế ước nhận nợ kèm theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy sự thỏa thuận về tiền lãi của các bên trong Hợp đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp.

2.3. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bảo lãnh:

Ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Minh D1 có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH T tại Ngân hàng TMCP V (V1) và yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, thu hồi và xử lý các tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Thế H, bà Nguyễn Minh D1 để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1).

Xét thấy Hợp đồng bảo lãnh số 140917-1899466-01-SME/HĐBL và Hợp đồng bảo lãnh số CLC-4877-1899466-BLCN-02 ngày 20/9/2023 được ký kết giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế H trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy Hợp đồng bảo lãnh số 140917-1899466-02-SME/HĐBL và Hợp đồng bảo lãnh số CLC-4877-1899466-BLCN-01 ngày 20/9/2023 được ký kết giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Minh D1 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có hiệu lực pháp luật.

Tại các Hợp đồng bảo lãnh, bên bảo lãnh (Ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Minh D1) đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện

và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh (Công ty TNHH T) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với Ngân hàng P từ các văn kiện tín dụng được ký kết giữa bên được bảo lãnh (Công ty TNHH T) với Ngân hàng, cụ thể là tất cả các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan được ký kết giữa hai bên.

Căn cứ vào nghĩa vụ của bên bảo lãnh, quyền của bên ngân hàng trong Hợp đồng bảo lãnh, Ngân hàng TMCP V (V1) yêu cầu ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Minh D1 có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH T tại Ngân hàng TMCP V (V1) và yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, thu hồi và xử lý các tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Thế H và bà Nguyễn Minh D1 để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) trong trường hợp Công ty T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) là có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí:

- Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền mà yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1).

- Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117; Điều 119; Điều 280; Điều 292; Điều 298; Điều 299; Điều 335; Điều 336; Điều 338; Điều 339; Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 386; Điều 398; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 90; Điều 91; Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Yêu cầu Công ty TNHH T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) khoản tiền lãi chậm trả tính đến hết ngày 22/7/2026 với số tiền cụ thể là 83.904.372 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) đối với bị đơn là Công ty TNHH T (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Minh D1):

Buộc Công ty TNHH T (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Minh D1) phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến hết ngày 22/7/2026 là **3.240.004.398 đồng (Ba tỷ, hai trăm bốn mươi triệu, bốn nghìn ba trăm chín tám đồng)**. Trong đó:

*** Theo Hợp đồng cho vay số CLC-4877-01 ngày 20/9/2023:**

- Nợ gốc: 1.774.875.467 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 23.713.108 đồng
- Lãi quá hạn: 753.367.962 đồng

Tổng cộng: 2.551.956.537

*** Theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ ngày 15/9/2017:**

- Nợ gốc: 299.999.773 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 388.048.088 đồng.

Tổng cộng: 688.047.861 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngay sau ngày xét xử, Công ty TNHH T (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Minh D1) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng và các Khế ước nhận nợ đã ký kết.

Trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán, thanh toán không đầy đủ toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) thì bà Nguyễn Minh D1 và ông Nguyễn Thế H có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH T đối với Ngân hàng TMCP V (V1).

Trường hợp Công ty TNHH T, bà Nguyễn Minh D1 và ông Nguyễn Thế H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ của Công ty TNHH T thì Ngân hàng TMCP V (V1) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, xử lý tài sản của Công ty TNHH T, bà Nguyễn Minh D1 và ông Nguyễn Thế H để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1).

3. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH T (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Minh D1) phải chịu số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 48.400.044 đồng (*Bốn mươi tám triệu, bốn trăm nghìn, không trăm bốn bốn đồng*).

- Ngân hàng TMCP V (V1) được trả lại số tiền 36.000.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu đồng chẵn*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013151 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 36, Điều 71 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lại